

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 20-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương

Ông Nguyễn Cao Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2020/TLST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lý Thị P, sinh ngày 17 tháng 07 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T và bà Long Thị D (đã chết); chồng: Phùng Văn T; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-9-2020 đến nay; có mặt.

2. Lương Thị B (tên gọi khác Lương Thị B1), sinh ngày 17 tháng 02 năm 1987 tại huyện U, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu S, thị trấn G, huyện Ô, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn X (đã chết) và bà Mã Thị K; chồng: Hoàng Văn S (đã ly hôn); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-9-2020 đến nay; có mặt.

3. Phùng Cao N, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1998 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn L và bà

Trần Thị K; vợ; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-9-2020 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn K, xã M, thành phố N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Ngân Văn K; vắng mặt.

2. Chị Lô Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 13/9/2020 tại cổng kiểm soát số 02 Trạm kiểm soát Biên phòng N thuộc thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đồn Biên phòng A trực thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn phát hiện Lương Thị B, trú tại khu S, thị trấn G, huyện Ô, tỉnh Lạng Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 12U1-118.42 chở Lô Thị H, trú tại khối 7, phường G, thị xã H, tỉnh Nghệ An, Phùng Cao N, trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 12L1-139.67 chở Ngân Văn K (là chồng H) đi lên biên giới có biểu hiện nghi vấn. Lương Thị B và Phùng Cao N khai nhận được Lý Thị P, trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuê chở vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K từ nhà Lý Thị P đưa lên biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, với tiền công 200.000 đồng/người. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ của Lương Thị B và Phùng Cao N gồm: 02 xe mô tô, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen và 200.000 đồng.

Ngày 14-9-2020 Đồn Biên phòng A giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lý Thị P và tạm giữ 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng trắng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen và 3.700.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng tháng 8/2018 Lý Thị P sang Quảng Đông, Trung Quốc làm thuê và có quen một người đàn ông Trung Quốc tên là A Lỷ, cả hai cho nhau số điện thoại để liên lạc (số của A Lỷ là 008618878743667, số của Lý Thị P là 0971364476). Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10-9-2020 Lý Thị P nhận được tin nhắn của A Lỷ cho biết đang có việc cần nhờ, Lý Thị P gọi lại thì được A Lỷ đặt vấn đề thuê Lý Thị P đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, với tiền công 200.000 đồng/người, Lý Thị P đồng ý, A Lỷ bảo khi nào có khách sẽ liên lạc lại sau.

Trước đó khoảng tháng 4/2018 Lô Thị H và Ngân Văn K (là vợ chồng) sang tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc làm thuê và có quen một người đàn ông Trung Quốc tên là Lão Pản rồi cho nhau số tài khoản wechat để liên lạc. Sau khi về Việt Nam, Lão Pản nhắn tin cho Lô Thị H qua wechat hỏi có sang Trung Quốc để làm thuê không, Lô Thị H cho biết không có tiền đi, Lão Pản nói sẽ ứng tiền cho trước và bảo đến bến xe tỉnh

Cao Bằng sẽ có người đón, Lô Thị H đồng ý. Ngày 10-9-2020 vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K đi xe khách từ tỉnh Nghệ An lên đến tỉnh Cao Bằng, thuê phòng nghỉ chờ Lão Pản sắp xếp đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 11 giờ ngày 12-9-2020 Lão Pản nhắn tin cho Lô Thị H thông báo đường mòn ở tỉnh Cao Bằng không đi sang Trung Quốc được và bảo vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn Kiên đi xe khách đến tỉnh Lạng Sơn sẽ có người đón, Lão Pản yêu cầu vợ chồng Lô Thị Hồng, Ngân Văn Kiên gửi số điện thoại và ảnh để Lão Pản gửi cho người đón ở Lạng Sơn liên hệ. Vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K đón xe khách từ tỉnh Cao Bằng xuống Thành phố G, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 18 giờ ngày 12-9-2020 A Lỳn thông báo cho Lý Thị P có 02 khách Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, hiện đang ở khu vực ngã tư Y, Thành phố G. A Lỳn bảo Lý Thị P đón và đưa đến mốc 1239 biên giới Việt Nam – Trung Quốc thuộc thôn B, xã I, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, Lý Thị P đồng ý. A Lỳn gửi cho Lý Thị P số điện thoại 0353.712.210 (số của Hồng, Kiên sử dụng) để liên lạc. Khoảng 21 giờ cùng ngày Lý Thị P gọi điện đến số điện thoại 0353.712.210 thì được Ngân Văn K cho biết hiện đang ở ngã tư Y, Thành phố G. Lý Thị P gọi điện cho Lương Thị B (là chị họ của Pình) để thuê Lương Thị B đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Lương Thị B đồng ý. Lý Thị P liên lạc và chỉ dẫn vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K đi taxi từ Thành phố G để đến nhà Lý Thị P ở thôn C, xã Đ, huyện L. Lúc này Lý Thị P đang đi chơi nên đã gọi điện thoại cho Phùng Văn T (là chồng Lý Thị P) báo có 02 người bạn Lý Thị P đến nhà chơi (P không cho T biết việc Lý Thị P tổ chức cho H, K xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc) và bảo Phùng Văn T đón và trả tiền xe taxi hộ những người này. Khoảng 22 giờ cùng ngày, vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K đi taxi tới, Phùng Văn T ra đón và trả 250.000 đồng tiền taxi, sau đó dẫn 2 người vào nhà, lúc sau Lý Thị P về nhà gặp và bảo Lô Thị H, Ngân Văn K nghỉ ngơi. Sáng ngày 13-9-2020 Lý Thị P gọi điện thoại cho Phùng Cao N (là cháu họ Pình), thuê Phùng Cao N đưa 02 người vào mốc 1239, để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 200.000 đồng/ người. Phùng Cao N đi xe mô tô biển kiểm soát: 12L1-139.67 (xe của Nghĩa) đến nhà Lý Thị P. Lúc này Lương Thị B đi xe khách từ Thành phố G để vào nhà Lý Thị P. Tại nhà Lý Thị P, Ngân Văn K hỏi Lý Thị P có tiền Trung Quốc đổi không, Lý Thị P nói có, Ngân Văn K đưa cho Lý Thị Pình 4.500.000 đồng, đổi được 1300NDT, Lý Thị P chuyển 250NDT (tương đương 800.000 đồng) vào tài khoản wechat cho Ngân Văn K, còn lại 1050NDT (tương đương 3.700.000 đồng) Lý Thị P nói khi sang được Trung Quốc trừ chi phí số còn thừa sẽ chuyển trả sau. Lý Thị P bảo Lương Thị B lấy xe mô tô biển kiểm soát: 12U1-118.42 (xe của Lý Thị Đ, em gái Pình) đưa Lô Thị H đi trước, còn Phùng Cao N dùng xe của mình chở Ngân Văn K đi theo sau, khi đưa đến cầu B thì cho 02 người xuống và chỉ họ đi đến mốc 1239 sẽ có người Trung Quốc đón. Trước khi đi Lý Thị P trả cho Lương Thị B 200.000 đồng tiền công và đưa cho Phùng Cao N trước 50.000 đồng để đổ xăng, còn lại 150.000 đồng sẽ trả sau. Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 13-9-2020 khi Lương Thị B, Phùng Cao N chở Lô Thị H, Ngân Văn K đến cổng kiểm soát số 02 Trạm kiểm soát Biên phòng N thuộc thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị Tổ công tác Đồn Biên phòng A phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P2 ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B và Phùng Cao N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến bổ sung, hành vi tổ chức cho người khác sang nước ngoài không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nay các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Đ trình bày tại cơ quan điều tra: Ngày 12/9/2020 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen bạc, biển kiểm soát 12U1-11842, giấy tờ xe mang tên Lý Thị Đ là của chị, chị cho Lý Thị P mượn xe được khoảng tháng rồi vì chị không sử dụng đến, khi Lý Thị P bị bắt chị mới biết Lý Thị P sử dụng xe của chị về hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Nay chị xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen bạc, biển kiểm soát 12U1-11842.

Tại phiên tòa Kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lý Thị P mức án tù 18 tháng đến 24 tháng tù, bị cáo Lương Thị B, Phùng Cao N mức án tù 14 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản đảm bảo thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 phong bì niêm phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chức ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 05 dấu tròn của Công an xã Đ, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 3.700.000 đồng tạm giữ của Lý Thị P.

01 phong bì của Đoàn Biên phòng A được niêm phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 04 dấu tròn của Công an xã T, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 200.000 đồng tạm giữ của Lương Thị B.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6PLUS màu trắng, IMEL: 359246062898388, kèm theo 01 sim Viettel có số thuê bao 0326 135 494, có số sêri sim: 09840 48000 07694 3542 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, IMEL:

352055/02/050004/5, kèm theo 01 sim Viettel số 0971 364 476 có sêri sim: 89840 48000 006400 8356 của Lý Thị P.

01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 5S màu vàng trắng, IMEL: 352001060489277, bên trong lắp 01 sim Viettel thu của Lương Thị B.

01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 7PLUS màu đen, IMEL: 356572085583332 bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) xe mô tô BKS 12L1-13967 hiệu WAVE RSX màu đỏ đen, số khung RLHJA 3811GY016607, số máy JA38E0042580 thu của Phùng Cao N.

Trả lại cho chị Lý Thị Đ 01 (một) xe mô tô BKS 12U1-11842 hiệu Wave màu đen bạc, số khung RLHJAS 904HY5S0927, số máy JA39E-0506080 cũ đã qua sử dụng.

Truy thu số tiền 50.000 đồng của Phùng Cao N.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng người làm chứng anh Ngân Văn K; chị Lô Thị H vắng tại phiên tòa không lý do, chị Lý Thị Đ có đơn xin vắng mặt, những người vắng mặt này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N có hành vi đưa 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để hưởng lợi ích vật chất. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự

quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường; có đầy đủ năng lực hành vi nhận thức được việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe đấu tranh và phòng ngừa chung.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò. Bị cáo Lý Thị P là người chủ động nhận đưa khách, chủ động liên lạc với khách và người trung quốc, trực tiếp mượn phương tiện để đưa đón người đi xuất cảnh trái phép nên bị cáo là người giữ vai trò chính. Các bị cáo Lương Thị B, Phùng Cao N đều giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Lý Thị P.

[6] Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử còn xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo như sau:

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Do các bị cáo đều là người lao động tự do, không có việc làm, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ của Lý Thị P 01 phong bì nien phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chức ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 05 dấu tròn của Công an xã Đ, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 3.700.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6PLUS màu trắng, IMEL: 359246062898388, kèm theo 01 sim Viettel có số thuê bao 0326 135 494, có số sêri sim: 09840 48000 07694 3542; 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, IMEL: 352055/02/050004/5, kèm theo 01 sim

Viettel số 0971 364 476 có sêri sim: 89840 48000 006400 8356. Vật chứng thu giữ của Lương Thị B 01 phong bì của Đoàn Biên phòng Ấ được niêm phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chức ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 04 dấu tròn của Công an xã T, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 200.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 5S màu vàng trắng, IMEL: 352001060489277, bên trong lắp 01 sim Viettel. Vật chứng thu giữ của Phùng Cao N gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 7PLUS màu đen, IMEL: 356572085583332 bên trong lắp 01 sim Viettel ; 01 (một) xe mô tô BKS 12L1-13967 hiệu WAVE RSX màu đỏ đen, số khung RLHJA 3811GY016607, số máy JA38E0042580 các vật chứng trên các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và phạm tội mà có, do vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước và tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 12U1-11842 hiệu Wave màu đen bạc, số khung RLHJAS 904HY5S0927, số máy JA39E-0506080 là xe của chị Lý Thị Đ, Lý Thị P mượn về để sử dụng vào việc phạm tội, nhưng chị Lý Thị Đ không biết nên cần trả lại cho chị Đào theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên A Llyn là người thuê Lý Thị P đón, đưa Lô Thị H, Ngân Văn K để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và sử dụng số điện thoại 008618878743667. Qua xác minh với mạng Viễn thông, kết quả xác định là mã vùng điện thoại thuộc quốc gia Trung Quốc, nhưng không biết họ, địa chỉ cụ thể và điều kiện lãnh thổ nên không thể xác minh làm rõ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[14] Đối với Phùng Văn T là chồng của Lý Thị P. Do Phùng Văn T không biết việc Lý Thị P tổ chức cho Lô Thị H, Ngân Văn K xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[15] Số tiền 250.000 đồng Phùng Văn T trả tiền taxi cho vợ chồng Lô Thị H, Ngân Văn K, Phùng Văn T không yêu cầu Lý Thị P trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Lão Pản là người sắp xếp cho Lô Thị H, Ngân Văn K xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nhưng không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra làm rõ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[17] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[18] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự .

[19] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lý Thị P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 14/9/2020).

2.2. Xử phạt bị cáo Lương Thị B (tên gọi khác Bé) 01 (một) năm 02 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 13/9/2020).

2.3. Xử phạt bị cáo Phùng Cao N 01 (một) năm 02 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/9/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- 01 phong bì niêm phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chức ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 05 dấu tròn của Công an xã Đ, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 3.700.000 đồng tạm giữ của Lý Thị P.

- 01 phong bì của Đoàn Biên phòng A được niêm phong dán kín, mặt sau phong bì tại vị trí niêm phong có chữ ký cùng tên của các thành phần tham gia niêm phong, 04 dấu tròn của Công an xã T, chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, bên trong có 200.000 đồng tạm giữ của Lương Thị B.

+ Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, IMEL: 352055/02/050004/5, kèm theo 01 sim Viettel số 0971 364 476 có sêri sim: 89840 48000 006400 8356 và 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 6PLUS màu trắng, IMEL: 359246062898388, kèm theo 01 sim Viettel có số thuê bao 0326 135 494, có số sêri sim: 09840 48000 07694 3542 của Lý Thị P.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 5S màu vàng trắng, IMEL: 352001060489277, bên trong lắp 01 sim Viettel thu của Lương Thị B.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE 7PLUS màu đen, IMEL: 356572085583332 bên trong lắp 01 sim Viettel; 01 (một) xe mô tô BKS 12L1-

13967 hiệu WAVE RSX màu đỏ đen, số khung RLHJA 3811GY016607, số máy JA38E0042580 thu của Phùng Cao N.

Trả lại cho chị Lý Thị Đ 01 (một) xe mô tô BKS 12U1-11842 hiệu Wave màu đen bạc, số khung RLHJAS 904HY5S0927, số máy JA39E-0506080 cũ đã qua sử dụng.

4. Biện pháp tư pháp:

Truy thu của bị cáo Phùng Cao N số tiền 50.000 đồng (năm nghìn đồng) do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25 tháng 12 năm 2020).

4. Về án phí:

Các bị cáo Lý Thị P, Lương Thị B, Phùng Cao N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Các bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niên yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Công an h Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Lộc Bình, t Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. L, t Lạng Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Ngọc

